UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: SƯ PHẠM NGỮ VĂN**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin tổng quát**

|  |
| --- |
| - Tên học phần: **VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM (1+1)** |
| - Tên tiếng Anh:Vietnamese Folk Literature |
| - Mã học phần: NV211 |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Cơ bản ❑ Cơ sở ngành 🗹Chuyên ngành ❑ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ❑ |
| - Số tín chỉ: 2 |
| + Số tiết lý thuyết: 30 |
| + Số tiết thực hành: 30 |
| - Project: 0 |
| - Tự học: 90 tiết+ Đọc tài liệu: 30 tiết+ Làm bài tập: 30+ Hoạt động khác (nếu có): 30 |
| - Học phần tiên quyết: không |
| - Học phần học trước: không |

**2. Mô tả học phần** *(Course descriptions)*

Học phần ***Văn học dân gian Việt Nam*** cung cấp cho sinh viên những tri thức nền về nghiên cứu văn học dân gian nói chung và văn học dân gian Việt Nam nói riêng. Bài mở đầu trình bày những kiến thức lý luận chung nhất về văn học dân gian: văn học dân gian trong tổng thể văn hóa dân gian, các đặc trưng của văn học dân gian, vấn đề phân loại trong nghiên cứu văn học dân gian, các phương pháp nghiên cứu, phân tích văn học dân gian…

Các bài giảng tiếp theo giới thiệu các thể loại văn học dân gian theo các loại hình: tự sự dân gian (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, sử thi, vè, truyện thơ), trữ tình dân gian (ca dao), lời ăn tiếng nói dân gian (tục ngữ, câu đố), sân khấu dân gian (chèo). Mỗi thể loại sẽ được trình bày về mặt thi pháp: các phương diện chính về nội dung và các phương diện chính về nghệ thuật.

***3. Mục tiêu học phần (Course Objectives)***

***3.1. Kiến thức:***

- Trình bày được những vấn đề chung về văn học dân gian

- Phân tích được quá trình phát triển và hoàn thiện các thể loại văn học dân gian: Thời kỳ dựng nước; Thời kỳ Bắc thuộc; Thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ.

- Nhận diện được hệ thống, thể loại của văn học dân gian Việt Nam.

- Phân tích được mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết.

- Phân tích được tác phẩm văn học dân gian trên các phương diện nghệ thuật*.*

***3.2. Kỹ năng:***

 - Vận dụng kiến thức cơ bản về thi pháp thể loại để cảm nhận, phân tích tốt các bài tập theo yêu cầu của chương trình.

 - Nhận diện và sưu tầm văn học dân gian theo yêu cầu của chương trình.

- Trình bày tự tin và thuyết phục các chủ đề, thể loại văn học dân gian Việt Nam.

- Ứng dụng công nghệ vào tổ chức các hoạt động diễn xướng văn học dân gian Việt Nam.

- Phát triển các kỹ năng: giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian cho sinh viên.

***3.3. Thái độ:***

- Có khả năng lắng nghe và phản hồi tích cực.

- Trân trọng các giá trị văn học dân gian Việt Nam.

- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, hướng tới học tập bền vững, học suốt đời.

**4. Nguồn học liệu** *(Learning resources: course books, reference books, ...)*

**4.1. *Tài liệu bắt buộc:***

 [1]. Vũ Anh Tuấn chủ biên (2012), *Giáo trình văn học dân gian*, Nxb giáo dục.

 [2]. Hoàng Tiến Tựu (2001), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

 [3]. Nguyễn Đổng Chi (1993), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, 5 tập, NXb Viện văn học.

**4.2. *Tài liệu tham khảo:***

 [4]. Bùi Mạnh Nhị chủ biên (1999), *Văn học Việt Nam - Văn học dân gian, những công trình nghiên cứu*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[5]. Bùi Mạnh Nhị chủ biên (1999), *Văn học Việt Nam - Văn học dân gian, những tác phẩm chọn lọc*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[6]. Vũ Ngọc Phan (1998), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

[7]. Nhiều tác giả (1997), *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.

***Tài nguyên khác:***

[9]. QĐ 1867/QĐ – ĐHTDM ngày 21/11/2016 ban hành quy định chuẩn đầu ra cho học viên cao học, sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy và thường xuyên theo học chế tín chỉ

[10]. Website: *<http://www.thudaumot.edu.vn>*

[11]. Website: *<http://khoanguvan.com.vn>*

**5. Chuẩn đầu ra học phần**

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:**

N: Không đóng góp/không liên quan

S: Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H: Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp |
| NV211 | Văn học dân gian | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 |
| H | S | H | H | H |
| ELO6 | ELO7 | ELO08 | ELO09 | ELO10 |
| H | H | S | H | H |

**Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | **CĐR của CTĐT****(ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1  | - Trình bày được những vấn đề chung về văn học dân gian- Phân tích được quá trình phát triển và hoàn thiện các thể loại văn học dân gian: Thời kỳ dựng nước; Thời kỳ Bắc thuộc; Thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ. | ELO1 |
| CELO2  | - Nhận diện được hệ thống, thể loại của văn học dân gian Việt Nam. - Phân tích được mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết.- Phân tích được tác phẩm văn học dân gian trên các phương diện nghệ thuật*.* |  ELO2 |
| Kỹ năng | CELO3  | - Vận dụng kiến thức cơ bản về thi pháp thể loại để cảm nhận, phân tích tốt các bài tập theo yêu cầu của chương trình. - Nhận diện và sưu tầm văn học dân gian theo yêu cầu của chương trình.- Trình bày tự tin và thuyết phục các chủ đề, thể loại văn học dân gian Việt Nam. | ELO3, ELO4 |
| CELO4 | - Ứng dụng công nghệ vào tổ chức các hoạt động diễn xướng văn học dân gian Việt Nam.- Phát triển các kỹ năng: giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian cho sinh viên. | ELO5, ELO6, ELO7,8 |
| Thái độ | CELO5 | - Có khả năng lắng nghe và phản hồi tích cực.- Trân trọng các giá trị văn học dân gian Việt Nam.- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, hướng tới học tập bền vững, học suốt đời.- Có thái độ *nghiêm túc*, *cầu tiến, trung thực* trong quá trình học tập. |  ELO9, ELO10 |

**6. Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

| **Chuẩn đầu ra****CELO** | **Chỉ báo thực hiện** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| CELO1 | CELO1.1 | Trình bày được khái niệm văn hóa dân gian, văn học dân gian |
| CELO1.2  | Phân tích được những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian như: tính truyền miệng, tính nguyên hợp, tính tập thể, tính dị bản |
| CELO1.3 | Phân tích được những giá trị của văn học dân gian |
| CELO2 | CELO2.1  | Nhận diện được hệ thống văn học dân gian |
| CELO2.2  | Nhận diện được thể loại văn học dân gian |
| CELO3 | CELO3.1  | Theo hình thức diễn xướng gồm các loại hình nói, kể, hát, diễn |
| CELO3.2  | * Phân loại theo thể loại, hệ thống tác phẩm văn học dân gian
 |
| CELO4 | CELO4.1  | Phân tích được mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết. Văn học dân gian là nền tảng của văn học viết, là chặng đầu của nền văn học dân tộc |
| CELO4.2 |  Văn học viết chịu ảnh hưởng văn học dân gian về nhiều phương diện, từ nội dung tư tưởng đến hình thức nghệ thuật |
| CELO5 | CELO5.1 | Phân tích được tác phẩm văn học dân gian trên phương diện nghệ thuât ngôn từ |
| CELO5.2 | Phân tích được tác phẩm văn học dân gian trên phương diện nghệ thuật diễn xướng |
| CELO5.3 | Phân tích được tác phẩm văn học dân gian trên phương diện văn hóa.  |
| CELO6 | CELO6.1 | Vận dụng kiến thức cơ bản về thi pháp thể loại để cảm nhận đúng đắn về tác phẩm văn học dân gian Việt Nam.  |
| CELO6.2 | Vận dụng kiến thức cơ bản về thi pháp thể loại để phân tích tốt các bài tập theo yêu cầu của chương trình. |
| CELO7 | CELO7.1 | Nhận diện văn học dân gian theo yêu cầu của chương trình. |
| CELO7.2 | Sưu tầm văn học dân gian theo yêu cầu của chương trình. |
| CELO8 | CELO8.1 | Trình bày tự tin và thuyết phục các chủ đề văn học dân gian Việt Nam. |
| CELO8.2 | Trình bày tự tin và thuyết phục các thể loại văn học dân gian Việt Nam. |
| CELO9 | CELO9.1 | Chuyển thể văn học dân gian qua các hình thức diễn xướng phù hợp. |
| CELO9.2 | Ứng dụng công nghệ vào học tập, nghiên cứu và tổ chức diễn xướng văn học dân gian hiệu quả. |
| CELO10 | CELO10.1 | Phát triển kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ, văn bản, biểu tượng… |
| CELO10.2 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian thông qua việc lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ và phối hợp thực hiện. |
| CELO11 | CELO11.1 | Tôn trọng các ý kiến trái chiều trong các nội dung thảo luận |
| CELO11.2 | Lắng nghe và phản hồi tích cực trong các hoạt động thảo luận, semenar,... |
| CELO12 | CELO12.1 | Trân trọng kho tàng văn học dân gian Việt Nam |
| CELO12.2 | Có ý thức trách nhiệm trong việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị của văn học dân gian Việt Nam. |
| CELO13 | CELO13.1 | Tích cực chủ động trong học tập, nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam. |
| CELO13.2 | Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, hướng tới học tập bền vững suốt đời. |

**7. Đánh giá học phần** *(Course assessment)*

| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tỉ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiểm tra giữa kỳ** | **50** |
| Bài tập theo nhóm | Thuyết trình; kết hợp kể, phân tích, thảo luận được tác phẩm Văn học dân gian | Tuần 1 - 3 | Từ CELO1 đến CELO10 | 20 |
| Bài tập cá nhân | Lập được kế hoạch tổ chức các hoạt động học tập, nêu được giá trị và phân tích cảm nhận được tác phẩm của các thể loại Văn học dân gian. Bài kiểm tra giữa kỳ: tự luận/ thực hành | Tuần 4 - 9 | Từ CELO1 đến ELO10 | 30 |
| **Kiểm tra cuối kỳ** | **50** |
| Thi tự luận | Thi kết thúc học phầnPhân tích được khái niệm, đặc trưng về Văn học dân gian. Trình bày được những giá trị của tác phẩm, thể loại Văn học dân gian.Cảm nhận và phân tích tác phẩm Văn học dân gian**Lưu ý**:*Giảng viên chủ động chọn nội dung chủ đề đã được triển khai trong đề cương để ra đề thi cuối kỳ.* | Theo TKB | Từ CELO1 đến CELO10 | 50 |

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Buổi** | **Nội dung** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tài liệu tham khảo** |
| --- | --- | --- | --- |
| Buổi 15 (3; 2) | **Phần một****NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN HỌC** **DÂN GIAN**(Số tiết: LT: 3; TH:2) **1. Văn học dân gian vừa là văn học vừa là văn hóa****2. Đặc trưng cơ bản của VHDG trong cái nhìn chỉnh thể**2.1. Tính nguyên hợp2.2. Tính truyền miệng2.3. Tính tập thể2.4. Tính dị bản**3. Vấn đề phân loại và vai trò của thể loại trong nghiên cứu văn học dân gian****4. Những vấn đề về lý thuyết phân tích tác phẩm Văn học dân gian**4.1. Những yêu cầu của việc phân tích tác phẩm Văn học dân gian4.2. Những cách thức phân tích tác phẩm Văn học dân gian | Từ CELO1 đến CELO5 | [1], [2], [3], [5], [6], [11] |
| Buổi 25 (2; 3) | **Phần hai****Các thể loại văn học dân gian***Chương 1* **THẦN THOẠI**(Số tiết: 2 - LT: 1; TH: 1)**1. Những vấn đề chung về thể loại**1.1. Thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa1.2. Nguồn gốc, quá trình phân loại1.3. Đặc trưng của truyện Thần thoại**2. Thần thoại các dân tộc Việt Nam** 2.1. Tình hình chung về Thần thoại Việt2.2. Những phương diện cơ bản về nội dung2.3. Những phương diện cơ bản về nghệ thuật*Chương 2***TRUYỂN THUYẾT**(Số tiết: 3 - LT: 1; TH: 2)**1. Những vấn đề chung về thể loại**1.1. Thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa1.2. Nguồn gốc, quá trình, phân loại1.3. Đặc trưng**2. Truyền thuyết các dân tộc Việt Nam**2.1. Những vấn đề chung về Truyền thuyết VN2.2. Những phương diện cơ bản về nội dung2.3. Những phương diện cơ bản về nghệ thuật | Từ CELO2 đến CELO13 | [1], [2], [3], [5], [6], [11]. |
| Buổi 35 (2; 3) | *Chương 3***TRUYỆN CỔ TÍCH**(Số tiết: 5 - LT: 2, TH: 3)**1. Những vấn đề chung về thể loại**1.1. Thời đại ra đời của truyện cổ tích1.2. Quan niệm về truyện cổ tích1.3. Phân loại truyện cổ tích**2. Đặc trưng của truyện cổ tích**2.1. Truyện cổ tích là truyện kể hoàn toàn hư cấu và kì ảo2.2. Truyện cổ tích là những truyện kể đã hoàn tất2.3. Tính giáo huấn, triết lí của truyện cổ tích**3. Nội dung và nghệ thuật của các tiểu loại truyện cổ tích**3.1. Truyện cổ tích thần kì3.2. Truyện cổ tích về loài vật3.3. Truyện cổ tích sinh hoạt | Từ CELO2 đến CELO10 | [1], [2], [3], [5], [6], [9], [11]. |
| Buổi 45 (1; 4) | *Chương 4***TRUYỆN CƯỜI**(Số tiết: 2 - LT: 1, TH: 1)**1. Những vấn đề chung về thể loại**1.1. Truyện cười trong đời sống dân gian1.2. Định nghĩa1.3. Phân loại truyện cười**2. Đặc trưng của truyện cười**2.1. Truyện cười luôn có yếu tố gây cười2.2. Truyện cười xây dựng các tình huống đối thoại ngắn gọn**3. Nội dung của truyện cười**3.1. Truyện cười đem đến tiếng cười giải trí, hài hước3.2. Truyện cười châm biếm, đã kích những cái xấu trong xã hội**4. Nghệ thuật truyện cười**4.1. Nhân vật4.2. Biện pháp gây cười*Chương 5***TRUYỆN NGỤ NGÔN**(Số tiết: 3 - LT: 1, TH: 2)**1. Những vấn đề chung về thể loại**1.1. Nguồn gốc1.2. Khái niệm**2. Đặc trưng thể loại của truyện ngụ ngôn**2.1. Truyện ngụ ngôn là loại truyện mượn một cốt truyện ẩn dụ để ngụ ý một lời quy châm2.2. Tính phức thể của truyện ngụ ngôn Việt Nam**3. Nội dung của truyện ngụ ngôn**3.1. Truyện ngụ ngôn nêu lên những bài học triết lí ứng xử, kinh nghiệm sống sâu sắc3.2. Truyện ngụ ngôn phản ánh cuộc đấu tranh xã hội**4. Những đặc điểm thi pháp của truyện ngụ ngôn**4.1. Kết cấu4.2. Nhân vật | Từ CELO2 đến CELO10 | [1], [2], [3], [5], [6], [8], [10], |
| Buổi 55 (2; 3) | *Chương 6***CA DAO**(Số tiết: 5 - LT: 2; TH: 3)**1. Khái niệm và đặc trưng thể loại**1.1. Khái niệm1.2. Đặc trưng thể loại**2. Nội dung ca dao của người kinh**2.1. Ca dao nghi lễ2.2. Ca dao lao động2.3. Ca dao sinh hoạt2.4. Ca dao về thiên nhiên, đất nước, về lịch sử dân tộc**3. Nghệ thuật ca dao**3.1. Ngôn ngữ trong ca dao3.2. Kết cấu của ca dao3.3. Thủ pháp nghệ thuật chủ yếu trong việc xây dựng hình tượng của ca dao3.4. Thể thơ trong ca dao | Từ CELO2 đến CELO13 | [1], [2], [3], [5], [6],  |
| Buổi 65 (2; 3) | *Chương 7***TỤC NGỮ** (Số tiết: 5 - LT: 2, TH: 3)**1. Những vấn đề chung về thể loại**1.1. Thuật ngữ và định nghĩa1.2. Đặc trưng cơ bản của tục ngữ1.3. Phân biệt tục ngữ với thành ngữ, ca dao, câu đố**2. Nội dung của tục ngữ**2.1. Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất2.2. Tục ngữ về lịch sử xã hội2.3. Tục ngữ về con người**3. Nghệ thuật tục ngữ**3.1. Cấu trúc3.2. Nhịp và vần3.3. Lối nói giàu hình tượng3.4. Phong cách biểu đạt của thể loại tục ngữ | Từ CELO2 đến CELO13 | [1], [2], [3], [5], [6], [11],  |
| Buổi 75 (1; 4) | *Chương 8***CÂU ĐỐ**(Số tiết: 5 - LT: 1, TH: 4 )**1. Những vấn đề chung về thể loại**1.1. Định nghĩa1.2. Phân loại**2. Nội dung, ý nghĩa của câu đố**2.1. Nội dung gọi tên sự vật, hiện tượng2.2. Nội dung suy tưởng**3. Hình thức nghệ thuật của thể loại câu đố**3.1. Gieo vần, ngắt nhịp3.2. Tính hình tượng - nghệ thuật ẩn dụ đặc biệt3.3. Thủ pháp nghệ thuật ngôn từ | Từ CELO2 đến CELO10 | [1], [2], [3], [4], [5], [6]. |
| Buổi 85 (2; 3) | *Chương 9***VÈ**(Số tiết: 2 - LT: 2; TH: 3)**1. Những vấn đề chung về thể loại** 1.1. Định nghĩa1.2. Thời đại ra đời của vè1.3. Phân loại**2. Đặc trưng của vè**2.1. Vè là hình thức tự sự bằng văn vần, mang tính thời sự2.2. Vè kể chuyện người thật, việc thật, mang tính địa phương**3. Nội dung của vè**3.1. Vè phản ánh thế giới phong phú của loài vật, cây trái, sự vật3.2. Vè thế sự (vè sinh hoạt xã hội)3.3. Vè lịch sử**4. Nghệ thuật của vè**4.1. Thể thơ4.2. Ngôn ngữ | Từ CELO2 đến CELO10 | [1], [2], [3], [5], [6]. |
| Buổi 95(0; 5) | *Chương 10***SỬ THI DÂN GIAN** (Số tiết: 2 - TH: 2)*Chương 11***TRUYỆN THƠ**(Số tiết: 1 - TH:1)*Chương 12***TRÒ DIỄN DÂN GIAN VÀ CHÈO TRUYỀN THỐNG**(Số tiết: 2 - TH: 2) |

**9. Quy định của học phần**

***9.1. Quy định về tham dự lớp học***

- Sinh viên cần hoàn thành 2 nhiệm vụ sau:

+ Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.

+ Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân và nhóm.

 + Hoàn tất nhật ký việc tự học.

***9.2. Quy định về hành vi lớp học***

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định, trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu mà không có lý do chính đáng sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc… trong giờ học.

- Máy tính cá nhân, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

**10. rubric kiểm tra, đánh giá**

***10.1. Rubric tự học - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **CHẤP NHẬN ĐƯỢC** | **KÉM**  |
| Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Hoàn tất nhật ký việc tự học: 20% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |

 ***10.2. Rubric tham dự lớp - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **CHẤP NHẬN ĐƯỢC** | **KÉM**  |
| **Thời gian tham dự: 60%** | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| **Thái độ tham dự: 40%** | Chú ý, tích cực đóng góp (6đ) | Có chú ý và đóng góp (4đ) | Không chú ý/không đóng góp (0đ) |

***10.3. Rubric bài kiểm tra giữa kỳ - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm** |
| KTGK | Thảo luận, tương tác, đánh giá vấn đề theo cá nhân, nhóm; Thực hành diễn xướng, phân tích tác phẩm VHDG. | Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm theo chủ đề từng chương. | 10 |

***10.4. Rubric bài tập thực hành - kiểm tra kết thúc học phần - thang điểm 10***

| **STT** | **Chỉ báo thực hiện** | **Yêu cầu bài tập thực hành** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thực hành làm bài tập theo chủ đề: 1. Phân tích một số truyền thuyết như *An Dương Vương; Sơn Tinh, Thuỷ Tinh; Bánh chưng, bánh dày…* | * Thực hiện theo nhóm tại lớp
* Bài làm phải phù hợp với thể loại .
* Phải có tính sáng tạo
 | - Có tinh thần trách nhiệm với hoạt động nhóm.- Vận dụng sang tạo kiến thức, kỹ năng cảm nhận và phân tích văn học vào bài tập thực hành.- Sản phẩm thể hiện đúng những đặc trưng và giá trị của Văn học dân gian. | 2 đ |
| 2 | 2. Thực hành Phân tích một số tác phẩm để chứng minh chân lí “ở hiền gặp lành” và mơ ước công lý của nhân dân trong truyện cổ tích.3. Tục ngữ được ví như “Túi trí khôn dân gian”. Anh/ chị hãy tự chọn và bình luận một số câu tục ngữ để làm nổi bật chức năng cơ bản của tục ngữ. | * Thực hiện theo nhóm tại lớp
* Bài làm phải thể hiện rõ những đặc trưng giá trị của truyện cổ tích.

- Phân tích, cảm nhận phải có tính sáng tạo | - Có tinh thần trách nhiệm với hoạt động động nhóm.- Vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng phân tích cảm nhận VHDG vào bài tập thực hành.- Sản phẩm thể hiện đúng đặc trưng thể loại. | 2 đ |
| 3 | 4. So sánh, ví von là thủ pháp nghệ thuật được sử dụng thường xuyên và phổ biến nhất trong ca dao truyền thống, phân tích một số câu ca dao làm sáng tỏ ý kiến trên.5. Vận dụng đặc trưng thể loại và những đặc điểm thi pháp để phân tích một số bài ca dao mà anh, chị yêu thích. | * Thực hiện theo nhóm tại lớp và ở nhà.
 | - Có tinh thần trách nhiệm với hoạt động động nhóm.- Vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng phân tích cảm nhận VHDG vào bài tập thực hành.- Sản phẩm thể hiện đúng đặc trưng thể loại. | 6 đ |
| **Tổng** | **10** |

**11. Phiên bản chỉnh sửa**

 Lần 3, ngày 25/12/2018.

**12. Phụ trách học phần**

- Khoa/Chương trình: Khoa KHXH và NV/ Chương trình Ngữ văn

- Địa chỉ và email liên hệ: Khoa KHXH và NV, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, số 6 Trần Văn Ơn, Phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại: (0274) 3844670

*Bình Dương, ngày tháng năm 2018*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐTĐH TRƯỞNG KHOA GIÁM ĐỐC CTĐT**